

ĐỀ TÀI 2: HỆ THỐNG QUẢN LÝ BÁN HÀNG

Các use case trong ứng dụng

Nhóm UC	Tên	Mô tả	Sinh viên
UC0	Main	Cho phép user truy cập các chức năng của ứng dụng	Cả nhóm
UC1	Quản lý danh mục	Quản lý Loại hàng, Hàng	SV1
		Quản lý Nhà cung cấp, Nhân viên	SV2
		Quản lý Khách hàng, Lịch sử giá	SV3
		Quản lý Trình độ	SV4
UC2	Lập hoá đơn	Lập hoá đơn mới, in hoá đơn (*)	SV4
UC3	Thống kê báo cáo	Báo cáo hàng bán theo ngày	SV1
		Báo cáo hàng tồn cuối tháng	SV2
		Báo cáo doanh số bán hàng	SV3
UC4	XYZ	<i>Sinh viên tự phát triển</i>	

YÊU CẦU GIAO DIỆN CỦA UC

NHÓM UC1:

- **Quản lý Loại hàng:**
 - Trên form có các điều khiển cho phép user nhập vào các thông tin cho bảng LoaiHang và hiển thị dữ liệu trong bảng lên DataGrid View.
 - Trên form có các nút lệnh: nhập lại, thêm, sửa, xóa (xóa có cảnh báo), tìm (tìm theo mã), xem (hiển thị toàn bộ dữ liệu trên DataGrid View) và thoát.
- **Quản lý Hàng:**
 - Yêu cầu giao diện tương tự như Quản lý Loại hàng, tuy nhiên thay vì mã loại hàng và mã nhà cung cấp được hiển thị trên textbox, hãy sử dụng combo box hiển thị danh sách Tên loại hàng hay Tên nhà cung cấp lấy từ bảng Loại hàng hay bảng Nhà cung cấp
- **Quản lý Nhà cung cấp:**
 - Yêu cầu giao diện tương tự như Quản lý Loại hàng
- **Quản lý Nhân viên:**
 - Yêu cầu giao diện tương tự như Quản lý Loại hàng, mã trình độ sử dụng combo box hiển thị danh sách Tên trình độ lấy từ bảng Trình độ.

- **Quản lý Khách hàng:**
 - Yêu cầu giao diện tương tự như Quản lý Loại hàng
- **Quản lý Lịch sử giá:**
 - Yêu cầu giao diện tương tự như Quản lý Loại hàng, mã hàng sử dụng combo box hiển thị danh sách Tên hàng lấy từ bảng Hàng.
 - Ngày cập nhật lấy ngày của hệ thống
- **Quản lý Trình độ:**
 - Yêu cầu giao diện tương tự như Quản lý Loại hàng

NHÓM UC2:

- **Trên 1 form** gồm các thông tin sau:
 - Thông tin về hóa đơn: mã hóa đơn, mã khách hàng, tên khách hàng (khi nhập mã khách hàng thì tên khách hàng tự động hiển thị), ngày lập (là ngày hiện tại của hệ thống), mã nhân viên, tên nhân viên (khi nhập xong mã nhân viên thì tên nhân viên tự động hiển thị), tổng tiền của cả hóa đơn
 - Thông tin về **các mặt hàng** mua trong hóa đơn (Mã hàng, tên hàng, số lượng, đơn giá, thành tiền). Thông tin về các mặt hàng này hiển thị ở dạng bảng Gridview.
- Trên form có các nút lệnh: nhập lại, thêm, sửa, xóa (xóa có cảnh báo), tìm (tìm theo mã hóa đơn), in hóa đơn, xem (hiển thị toàn bộ dữ liệu trên DataGrid View) và thoát.
 - Nút lệnh Thêm để lưu thông tin hóa đơn mới vào bảng hóa đơn, lưu thông tin các mặt hàng được mua vào bảng Hóa đơn chi tiết, cập nhật lại số lượng có trong bảng Hàng.
 - Nút lệnh In hóa đơn: báo cáo sẽ được in ra (máy in, file acrobat . . .) hóa đơn hiện tại theo mẫu như Form.

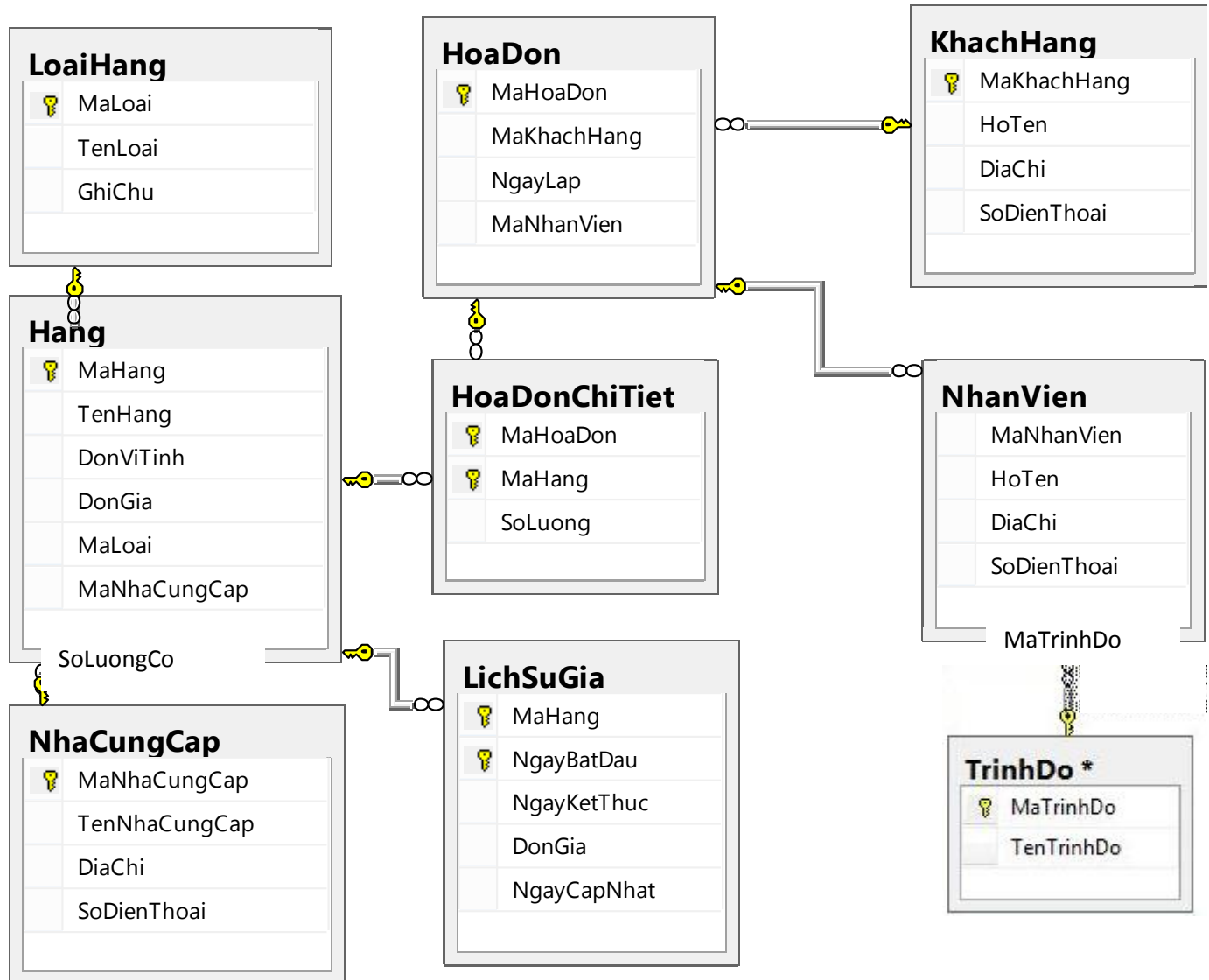
NHÓM UC3:

- **Báo cáo hàng bán theo ngày:**
 - Form cho phép user chọn (nhập) ngày tháng năm muốn lập báo cáo.
 - Các thông tin hiển thị trên form gồm: thông tin chung (như tiêu đề báo cáo, tên đơn vị, ngày lập, người lập . . .), số thứ tự, tên các mặt hàng, đơn vị tính, số lượng bán, đơn giá, thành tiền.
 - Trên form có nút lệnh in, khi user nhấn nút lệnh này báo cáo sẽ được in ra (máy in, file acrobat . . .)
- **Báo cáo hàng tồn cuối tháng:**
 - Form cho phép user chọn tháng, năm muốn lập báo cáo
 - Form hiển thị thông tin gồm: thông tin chung (như tiêu đề báo cáo, tên đơn vị, ngày lập, người lập . . .), số thứ tự, tên các mặt hàng, đơn vị tính, số lượng có trong kho và cột ghi chú

- Trên form có nút lệnh in, khi user nhấn nút lệnh này báo cáo sẽ được in ra máy in (file acrobat)
- **Báo cáo doanh số bán hàng:**
 - Form cho phép user chọn tháng, năm muốn lập báo cáo
 - Form hiển thị thông tin gồm: thông tin chung (như tiêu đề báo cáo, tên đơn vị, ngày lập, người lập . . .), số thứ tự, các ngày trong tháng và tổng số tiền bán được của từng này

NHÓM UC4: Sinh viên tự phát triển

LƯỢC ĐỒ CƠ SỞ DỮ LIỆU



Các qui định khi tạo CSDL:

- ✓ Tên các bảng đặt như sau: <tên bảng><tên nhóm>
Ví dụ: **HoaDon8, PhongBan8** (Nhóm 8)
- ✓ Tên các cột: không được trùng với tên trong sơ đồ trên.
Ví dụ: **MaNhanVien** → **MaNV**